

Số: 521/QĐ-ĐHSP

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 05 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận và cấp chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ cán bộ quản lý trường Mầm non

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/04/1994 của Thủ tướng chính phủ V/v thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20/03/2014 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 6950/QĐ-ĐHĐN ngày 01/12/2014 của Giám đốc ĐHĐN ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Đà Nẵng, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và các đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Thông tư số 28/2014/TT-BGDĐT, ngày 26/08/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo về việc ban hành Quy định bồi dưỡng và cấp chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 382/QĐ-BGDĐT, ngày 20/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo về việc ban hành Chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục;

Theo đề nghị của Ông Trưởng Phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp chứng chỉ hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ cán bộ quản lý trường Mầm non cho **68** (sáu mươi tám) học viên học tại Trung tâm Giáo dục Thường xuyên Số 1 TP. Đà Nẵng khóa học từ tháng 12/2016 đến 04/2017.

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Các ông (bà) Trưởng các phòng Đào tạo, Tổ chức – Hành chính, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Kế hoạch – Tài chính và học viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- ĐHĐN, BGH (để báo cáo);
- Lưu VT, ĐT.



PGS.TS. LƯU TRANG

DANH SÁCH CÔNG NHẬN HOÀN THÀNH KHÓA BỒI DƯỠNG
CÁN BỘ QUẢN LÝ TRƯỜNG MẦM NON- KHÓA THÁNG 12/2016 ĐẾN THÁNG 04/2017
MỞ TẠI TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN SỐ 1 ĐÀ NẴNG
(theo Quyết định số: 521/QĐ-ĐHSP ngày 16 tháng 05 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHN)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	10/06/1986	Đà Nẵng	8,4	Khá	01611
2	Nguyễn Thị Bốn	06/03/1982	Đà Nẵng	8,3	Khá	2
3	Trần Thị Thanh Châu	01/11/1990	Thừa Thiên Huế	8,6	Khá	3
4	Dương Thị Cừ	23/06/1983	Đà Nẵng	7,9	Khá	4
5	Đoàn Ngân Diệu	20/12/1977	Đà Nẵng	7,8	Khá	5
6	Ngô Thị Thùy Dung	22/11/1993	Quảng Bình	7,9	Khá	6
7	Trần Thị Kim Dung	10/01/1984	Đà Nẵng	8,4	Khá	7
8	Bùi Thị Dung	01/01/1983	Thanh Hóa	8,7	Khá	8
9	Trần Thị Khánh Hà	15/03/1991	Đà Nẵng	7,7	Khá	9
10	Huỳnh Thị Thu Hà	27/10/1991	Đà Nẵng	7,9	Khá	20
11	Lê Thị Hằng	24/11/1980	Thanh Hóa	8,0	Khá	1
12	Nguyễn Thị Nguyên Hạnh	26/10/1988	Đà Nẵng	8,3	Khá	2
13	Nguyễn Thị Hạnh	06/04/1978	Quảng Trị	8,3	Khá	3
14	Nguyễn Thị Thu Hiền	15/05/1990	Đà Nẵng	7,8	Khá	4
15	Hoàng Thị Hòa	16/06/1985	Nghệ An	8,0	Khá	5
16	Đàm Thị Hoàng	09/11/1970	Đà Nẵng	8,1	Khá	6
17	Lương Thị Thanh Hoàng	15/06/1984	Quảng Nam	8,6	Khá	7
18	Nguyễn Thị Bích Khuê	01/06/1981	Quảng Nam	8,2	Khá	8
19	Lê Thị Lệ Kiều	30/07/1991	Đà Nẵng	8,2	Khá	9
20	Kiều Thị Lam	26/08/1985	Đà Nẵng	8,6	Khá	30
21	Hồ Thị Lan	10/05/1987	Quảng Trị	8,4	Khá	1
22	Nguyễn Thị Ngọc Lan	06/08/1985	Đà Nẵng	8,1	Khá	2
23	Nguyễn Thị Kim Liên	12/07/1989	Đà Nẵng	7,3	Khá	3
24	Hà Thị Thùy Linh	10/09/1980	Đà Nẵng	8,1	Khá	4
25	Lê Thị Thanh Loan	03/04/1973	Đà Nẵng	8,0	Khá	5
26	Đỗ Thị Loan	20/06/1982	Nam Định	8,6	Khá	6
27	Thái Thị Lựu	08/04/1982	Quảng Nam	8,1	Khá	7
28	Ngân Thị Ly	24/06/1988	Thanh Hóa	7,9	Khá	8
29	Phan Thị Ngọc Mai	16/10/1988	Đà Nẵng	8,2	Khá	9
30	Đặng Thị Kim Ngân	08/12/1981	Quảng Trị	8,6	Khá	40
31	Nguyễn Thị Kim Ngân	15/06/1981	Đà Nẵng	8,3	Khá	1
32	Bùi Thị Nghiệp	29/11/1991	Quảng Nam	8,1	Khá	2
33	Nguyễn Thị Bích Ngọc	10/01/1990	Đà Nẵng	8,1	Khá	3
34	Nguyễn Thị Ngọc	08/02/1985	Đà Nẵng	8,6	Khá	4
35	Lê Thị Bích Ngọc	03/12/1991	Quảng Trị	8,2	Khá	5
36	Nguyễn Thị Mộng Nguyên	20/04/1984	Đắk Lắk	8,2	Khá	6
37	Phạm Thị Nhân	24/01/1973	Quảng Ninh	8,0	Khá	7

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại	Ghi chú
38	Phan Thị Hồng	Nhung	30/09/1994	Đà Nẵng	8,1	Khá	01648
39	Nguyễn Thị	Nhung	15/12/1978	Đà Nẵng	8,2	Khá	9
40	Nguyễn Thị Mỹ	Nhung	19/07/1987	Thừa Thiên Huế	8,4	Khá	50
41	Khuất Thị Hiền	Oanh	08/12/1981	Đà Nẵng	8,3	Khá	1
42	Trần Thị Thúy	Phuong	10/08/1984	Quảng Nam	8,6	Khá	2
43	Nguyễn Thị	Phượng	09/06/1986	Nghệ An	8,1	Khá	3
44	Vũ Thị	Sen	01/05/1985	Thanh Hóa	8,5	Khá	4
45	Nguyễn Thị Hoàng	Tân	18/10/1989	Đà Nẵng	8,5	Khá	5
46	Lê Thị	Thắm	05/09/1987	Quảng Trị	8,0	Khá	6
47	Nguyễn Thị Thu	Thắm	02/02/1983	Đà Nẵng	8,1	Khá	7
48	Nguyễn Thị	Thanh	20/07/1983	Đà Nẵng	8,3	Khá	8
49	Nguyễn Thị Ngọc	Thanh	04/01/1979	Quảng Nam	8,1	Khá	9
50	Võ Thị	Thảo	20/03/1989	Quảng Ngãi	7,6	Khá	60
51	Nguyễn Thị Phương	Thảo	20/05/1992	Quảng Bình	8,2	Khá	1
52	Nguyễn Thị Thu	Thảo	25/07/1988	Đà Nẵng	7,8	Khá	2
53	Lê Thị Lệ	Thu	25/07/1987	Huế	8,1	Khá	3
54	Đinh Thị	Thu	25/03/1979	Nghệ An	8,2	Khá	4
55	Dũ Thị Ngọc	Thương	22/08/1983	Đà Nẵng	8,6	Khá	5
56	Phan Thị Lệ	Thương	16/05/1986	Quảng Bình	8,3	Khá	6
57	Nguyễn Thị	Thủy	06/11/1989	Quảng Ngãi	8,3	Khá	7
58	Trần Thị	Thủy	12/12/1978	Đà Nẵng	8,1	Khá	8
59	Nguyễn Thị Thu	Thủy	06/08/1977	Đà Nẵng	8,1	Khá	9
60	Phương Thị Thu	Thủy	23/07/1984	Đà Nẵng	8,4	Khá	70
61	Nguyễn Thị Bích	Thủy	23/03/1979	Đà Nẵng	8,4	Khá	1
62	Đặng Thị Thùy	Trâm	17/07/1982	Đà Nẵng	8,3	Khá	2
63	Phan Thị Thùy	Trang	02/06/1984	Đà Nẵng	8,2	Khá	3
64	Ngô Thị Hoàng	Trúc	20/07/1982	Đà Nẵng	7,8	Khá	4
65	Nguyễn Thị Nhã	Uyên	26/04/1978	Đà Nẵng	8,4	Khá	5
66	Trần Nguyên Thủy Thiên	Vân	26/07/1979	Bình Thuận	8,4	Khá	6
67	Nguyễn Thị Trúc	Vy	20/12/1992	Quảng Nam	7,4	Khá	7
68	Trương Thị	Yến	11/03/1971	Huế	8,3	Khá	8

Ấn định danh sách này có 68 (sáu mươi tám) học viên

Xếp loại:

Giỏi: 0 học viên

Khá: 68 học viên

Trung bình: 0 học viên

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 05 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. LƯU TRANG